

Thuấn Bùi (2022). Chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam: Phân tích từ góc độ đạo đức kinh doanh. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 2(2022), 72-82

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2022

Bài báo khoa học

Chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam: phân tích từ góc độ đạo đức kinh doanh

Bùi Quý Thuấn (TS)

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: thuanbq@apd.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích hành vi chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam từ góc độ đạo đức kinh doanh. Nếu hành vi chuyển giá bị phán xét về pháp lý giải quyết bằng trình tự và thủ tục pháp lý của quy phạm pháp luật, thì hành vi chuyển giá bị phát hiện là sự vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đạo đức kinh doanh được phán xét bằng dư luận công chúng, quy phạm đạo đức xã hội hoặc tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp. Các quy phạm đạo đức không có tác động cưỡng chế trực tiếp đến đối tượng nhưng nhận được sự đánh giá khách quan và khắt khe của đông đảo công chúng. Chúng gây áp lực buộc đối tác đầu tư điều chỉnh hoặc giảm thiểu hành vi trái đạo đức kinh doanh. Việt Nam thu hút nhiều FDI và đang chuyển dần sang quản lý nhà nước bằng pháp luật nhưng yếu tố đạo đức vẫn đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sử dụng dư luận để điều chỉnh thái độ nhà đầu tư, mặc dù không có tác động lớn bằng chế tài luật pháp, nhưng có tác dụng cảnh báo sâu sắc. Khi biết rõ gian lận chuyển giá, công chúng là lực lượng làm trong sạch môi trường đầu tư hướng tới sự công bằng, minh bạch, bảo vệ giá trị và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

Từ khóa: chuyển giá, doanh nghiệp FDI, đạo đức kinh doanh

Abstract:

The article analyzes the behavior of transfer pricing of FDI enterprises in Vietnam from the perspective of business ethics. If the transfer pricing act is legally judged and settled by the legal order and procedures of the law, then it is determined to be a significant violation of corporate ethics standards based on public opinion, social code of ethics, or professional ethics. Ethical standards have no direct coercive effect on the subject but are evaluated objectively and rigorously by the public. They exert pressure on investing partners to limit or diminish unethical company conduct. Vietnam attracts a substantial amount of foreign direct investment and is increasingly shifting to state administration by law, but the ethical aspect continues to play a crucial role. Although not as effective as legal punishments, using public opinion to alter investor attitudes has a significant deterrent effect. The public is the driving force to clean up the investing environment in the direction of fairness, transparency, value protection, and business ethics when it becomes aware of transfer pricing fraud.

Keywords: transfer pricing, FDI enterprises, business ethics

Ngày nhận bài:
20 tháng 5, 2022
Bản sửa lần 1:
30 tháng 5, 2022
Ngày duyệt bài:
6 tháng 6, 2022

Mã số: ĐS080222

1. Đặt vấn đề

Chuyển giá là hành vi phổ biến của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên thế giới gắn với các giao dịch liên kết và là hành vi mang tính gian lận trong thanh toán nghĩa vụ thuế. Xét về bản chất, chuyển giá tạo lợi ích kinh tế cho bên gian lận nhưng gây thiệt hại cho nhà nước cũng như các bên còn lại. Hầu hết quốc gia đều có quy định pháp luật chống chuyển giá và thực tế có không ít hành vi chuyển giá bị phát giác, làm bộc lộ sự vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh, bị xã hội lên án nhưng chuyển giá vẫn diễn ra gắn với dòng vốn FDI. Các hành vi đó vẫn bị lặp lại ở nhiều nước dù ở trình độ phát triển nào. Việt Nam trong quá trình xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cho nên việc sử dụng các quy phạm đạo đức để giảm thiểu tình trạng chuyển giá cũng là sự lựa chọn quan trọng. Tính đến năm 2021, Việt Nam đã thu hút được 34.141 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 403,188 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam đạt khoảng hơn 253 tỷ USD, bằng 62,62% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Đến nay, Việt Nam cũng đã có quan hệ thương mại và đầu tư song phương, đa phương với 90 quốc gia, vùng lãnh thổ. Việt Nam đã mở cửa một số ngành điện, bảo hiểm, ngân hàng, viễn thông... cho phép các nhà đầu tư nước ngoài (FDI) được đầu tư theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động đầu tư xuyên biên giới (M&A) được phép thực hiện^{SS} và mở cửa thị trường dịch vụ^{SS} đối với nhà FDI theo cam kết WTO. Hiện tại, FDI ở Việt

Nam vẫn đang trong xu hướng gia tăng khi cơ chế điều tiết hành vi chuyển giá chỉ mới được hình thành khoảng hơn một năm cho nên chưa có nhiều thời gian để kiểm định mức độ hoàn thiện của nó. Vì thế, khả năng tiếp tục xảy ra các hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI cũng không loại trừ.

Bài viết được thực hiện nhằm 3 mục tiêu: (i) phân tích bản chất chuyển giá của doanh nghiệp FDI từ góc độ đạo đức kinh doanh; (ii) đánh giá tình trạng chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam; (iii) đề xuất giải pháp điều tiết hành vi chuyển giá đối với doanh nghiệp FDI từ góc độ đạo đức kinh doanh.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hành vi chuyển giá trong đầu tư trực tiếp nước ngoài là một loại thủ thuật thậm chí là loại tiểu xảo kinh doanh không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì những lý do khách quan như chi phí cơ hội của nó là lượng vốn đầu tư lớn, lan tỏa công nghệ, tạo việc làm và những đóng góp ngân sách không nhỏ. Hành vi này chỉ được hạn chế với việc xử phạt vi phạm hành chính hoặc được điều chỉnh bằng sự lên án của dư luận xã hội thông qua các chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Do đó, nó không bị xử lý triệt để hoặc không có tính răn đe lớn so với các phương thức xử lý vi phạm hình sự khác. Các nghiên cứu về chuyển giá đều ở Việt Nam tập trung vào các thủ thuật hay kỹ thuật chuyển giá. Để hiểu rõ bản chất chuyển giá, cần nắm vững các quy định về giá chuyển giao ở Việt Nam (KPMG, 2017), phương thức chuyển giá trong các công ty đa quốc

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1996-2000 (phê chuẩn tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII) ngày 01/7/1996 đã xác định mở rộng hơn hình thức đầu tư cho ĐTNN: “Thử nghiệm việc cho phép công ty và người nước ngoài mua cổ phiếu của các công ty cổ phần trong nước kể cả các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá, trong hạn mức quy định theo ngành nghề kinh doanh”.

WTO sử dụng phương pháp chọn - cho (chỉ được làm những gì được phép) khi xác định phạm vi cam kết, tức là các dịch vụ được đưa vào Biểu cam kết dịch vụ. Theo đó, Việt Nam chỉ cam kết mở cửa thị trường cho các dịch vụ xuất hiện trong Biểu. Với những dịch vụ không xuất hiện trong Biểu, Việt Nam không cam kết ngoại trừ nghĩa vụ áp dụng các quy tắc chung của Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS).

gia ở Việt Nam (Nguyễn Thị Quỳnh Giang, 2010). Chuyển giá là hình thức thường được sử dụng trong các giao dịch nội bộ giữa các doanh nghiệp, hoặc giữa các chi nhánh của các công ty đa quốc gia (Rugman và Eden, 2017; Barry, 2005). Các giao dịch này có thể là hàng hóa, dịch vụ, các hàng hóa vô hình hoặc dòng vốn. Giá chuyển nhượng cao sẽ dẫn tới lợi nhuận trước thuế mà mỗi doanh nghiệp hoặc chi nhánh thu được trong các giao dịch xuyên giới thấp, từ đó ảnh hưởng đến mức thuế mà doanh nghiệp phải chi trả ở cả quốc gia đi đầu tư. Khi đó, số tiền thu được từ giao dịch này được ghi nhận là lợi nhuận để tính thuế ở công ty mẹ, đồng thời là chi phí của chi nhánh ở nước ngoài. Nếu số tiền này tăng lên, lợi nhuận trước thuế của chi nhánh nước sở tại giảm xuống. Nếu thuế ở nước sở tại thấp hơn ở quốc gia đi đầu tư thì doanh nghiệp sẽ có động cơ định giá thấp các giao dịch này, nhằm chuyển lợi nhuận từ công ty mẹ sang cho chi nhánh, qua đó giảm được nghĩa vụ thuế (Hines, 1996). Đa số các nghiên cứu chỉ ra hành vi định sai giá chuyển nhượng còn bị tác động bởi các đặc điểm của doanh nghiệp, Richardson và cộng sự (2013) đã phân tích mẫu 183 doanh nghiệp Australia năm 2009 cho thấy quy mô doanh nghiệp càng lớn thì doanh nghiệp càng có xu hướng chuyển giá. Để hạn chế việc chuyển giá thông qua định giá sai, các quốc gia thường đưa ra các quy định liên quan để điều chỉnh giá chuyển nhượng. Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới, trong giai đoạn từ 1994 đến 2014, số các quốc gia đưa ra các quy định liên quan đến chống chuyển giá đã tăng từ 4 lên hơn 80 quốc gia.

Doanh nghiệp FDI ở Việt Nam có nhiều kiểu chuyển giá làm thất thoát của nhà nước hàng ngàn tỷ đồng cũng như bị phát hiện và xử phạt hàng tỷ đồng (Ngô Trí Long, 2014). Có cơ quan quản lý thuế đã tuyên truyền, vận động, đối thoại và thanh tra

để các doanh nghiệp nghiêm túc kê khai tính thuế và áp dụng giá hợp lý (Đỗ Thiên Anh Tuấn, 2018). Các nước xây dựng hồ sơ quốc gia về giá chuyển giao (OECD, 2017a). Chuyển giá có tác động đến ngân sách và đó là loại mảnh khóc chống lại nỗ lực xóa đói, giảm nghèo trong điều kiện ngân sách dành cho công tác này bị hạn chế (Oxfarm, 2014, 2016). Việt Nam cần phải cải thiện hệ thống pháp luật về thuế, ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn thuế (Oxfam, 2017). Nói cách khác, chuyển giá được quan tâm cả từ cá nhân đến tổ chức, quốc gia và tổ chức quốc tế hay các đối tượng hữu quan chủ yếu từ góc độ pháp luật. Các tác động chuyển giá và các đề xuất khắc phục tác động bất lợi được các nghiên cứu đưa ra chủ yếu từ sự minh bạch của giao dịch, tuân thủ đúng chế độ kế toán, quản lý thuế, hoàn thiện quy định để giảm thiểu tình trạng này.

Hành vi chuyển giá có thể xem xét dưới góc độ đạo đức kinh doanh. Các vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh như thiếu công bằng, lạm dụng, buôn lậu, gian lận, hàng giả, vi phạm bản quyền, trốn thuế, chuyển giá đều đã được tổng kết (Richard T. Maway, 1976; Oxfarm, 2016; Tố Hà, 2017). Các biểu hiện của vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh có thể xem xét từ sự vi phạm nguyên tắc công bằng gồm công bằng thủ tục, phân phối và tương tác (Yadong, 2006). Từ cách tiếp cận lợi ích đối tượng hữu quan (Jeffrey & Andrew, 2013), chuyển giá được đánh giá ở lợi ích đối tượng về hàng hóa và dịch vụ, lợi ích đối tượng hữu quan với sự bảo đảm công bằng tổ chức, lợi ích đối tượng hữu quan liên quan đến doanh nghiệp chi nhánh và lợi ích đối tượng hữu quan với chi phí cơ hội được nhận thức. Theo cách xem xét đó, có thể phân tích, đánh giá cụ thể hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI từ góc độ đối tượng hữu quan của đạo đức kinh doanh. Đây là vấn đề chưa được nghiên cứu ở Việt Nam.

3. Cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

Cơ sở lý thuyết

Bài viết sử dụng cách tiếp cận đạo đức kinh doanh theo ba khía cạnh là công bằng thủ tục, phân phối và tương tác kết hợp với cách xem xét đối tượng hữu quan để nhận dạng bản chất hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Về thủ tục, nhà đầu tư phải tuân thủ nghiêm túc thủ tục đặc biệt là thủ tục hành chính về kê khai, nộp thuế và các thủ tục khác. Về phân phối, các bên phải thực hiện phân phối theo đúng quy định pháp luật đặc biệt thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ như nộp thuế đủ và đúng thời hạn, miễn, giảm thuế hay quản lý thuế nói chung. Việc thực hiện nghĩa vụ dựa trên tỷ lệ thuế

được pháp luật quy định. Về tương tác, ứng xử hoặc giao tiếp, bộ quy tắc ứng xử thống nhất, “có đi có lại”, khi một bên đối xử tốt thì bên kia phải đối xử tốt ngược lại phải được các bên tuân thủ duy trì quan hệ lâu dài. Sự vi phạm công bằng hay gây ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của các đối tượng hữu quan này đều bị coi vi phạm đạo đức kinh doanh hay trái đạo lý. Đối tượng hữu quan của hành vi chuyển giá là những chủ thể có lợi ích liên quan gồm nhà đầu tư nước ngoài hay người nộp thuế, chính phủ nước sở tại tiếp nhận nghĩa vụ nhà đầu tư và có trách nhiệm tạo môi trường thuận lợi, doanh nghiệp trong nước, công chúng và tổ chức quốc tế. Các khía cạnh giá trị đạo đức và đối tượng hữu quan được mô phỏng ở Bảng 1

Bảng 1: Khía cạnh đạo đức và đối tượng hữu quan hành vi chuyển giá

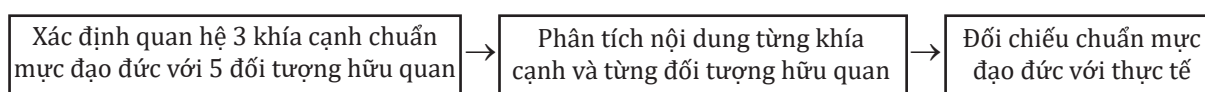
Đối tượng \ Khía cạnh	Thủ tục	Phân phối	Giao tiếp
Nhà đầu tư FDI hay người nộp thuế	Tuân thủ	Nộp thuế, phí	Quy tắc
Chính phủ sở tại	Xây dựng thể chế	Thu thuế đúng luật	Quy tắc
Doanh nghiệp trong nước	Tuân thủ	Nộp thuế, phí	Quy tắc
Công chúng	Phán xét, tạo dư luận	Đánh giá	Quy tắc
Tổ chức quốc tế	Quan sát, đánh giá	Đánh giá nghĩa vụ	Quy tắc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ UN, 2020

Phương pháp nghiên cứu

Dựa vào mô hình được xác định, bài viết lấy việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức như công bằng và trung thực làm căn cứ đánh giá hành vi chuyển giá. Hành vi chuyển giá là cách thức giảm gánh nặng thuế đối với người nộp thuế nhưng không phải tránh thuế mà là do “nhầm lẫn trong định giá”, “tính giá sai” hoặc “định giá không giải thích được” (UN, 2011). Chuyển giá thường áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc tập

đoàn đa quốc gia dựa trên sự khác biệt về hạch toán thuế của các quốc gia (OECD, 2017b). Từ hành vi chuyển giá, các khoản lợi ích đạt được của các bên được đánh giá, đối chiếu và so sánh giữa hành vi thực tế với các tiêu chuẩn đạo đức là sự công bằng và đạo lý, nghĩa là không có sự gian lận hay việc gây phương hại lợi ích của đối tượng khác cũng như bảo đảm đối xử tương tác tương xứng, thủ tục phù hợp. Phương pháp nghiên cứu thể hiện ở Hình 1.



Hình 1: Các bước nghiên cứu

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Dữ liệu: Dữ liệu sử dụng trong bài được lấy từ Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Tổng cục thuế, Tổ chức Oxfarm, OECD, UN và các bài nghiên cứu chuyên sâu khác trong cả giai đoạn 1988-2019.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Chuyển giá gần như là một thuộc tính cố hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam kể từ khi thu hút FDI vào Việt Nam

Trong giai đoạn đầu thu hút FDI tính từ thời điểm Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1988), nhà đầu tư nước ngoài tìm cách khai khống giá thiết bị góp vốn lợi dụng sự thiếu hiểu biết và thiếu công cụ hiệu quả trong thẩm định giá thiết bị góp vốn. Kết quả giám định 14 xí nghiệp liên doanh năm 1996 cho thấy tổng giá trị thiết bị nhập khẩu khai khống là 11 triệu USD trên tổng giá trị thiết bị được giám định xấp xỉ 100 triệu USD, chiếm tỷ lệ 11%. Đồng thời, không ít công nghệ do nhà đầu tư đưa vào Việt Nam thông qua FDI lạc hậu, thậm chí còn kém công nghệ hiện có ở Việt Nam, làm tăng chi phí sản xuất, gây ô nhiễm môi trường và giảm khả năng cạnh tranh (Nguyễn Anh Tuấn, 1997). Trong giai đoạn 2007-2017, nhà đầu tư nước ngoài chuyển

giá và trốn thuế với nhiều thủ đoạn tinh vi, bị thanh tra phát hiện năm 2014 (Anh Vũ & Hương Giang, 2014) như góp vốn bằng thiết bị lạc hậu hoặc hết khấu hao nhưng nâng giá cao, bán hàng hóa, nguyên liệu các bên liên kết với giá thấp hơn nhiều so với bên không liên kết, Công ty mẹ ký hợp đồng với đối tác nước ngoài với giá gia công rất cao và giao cho công ty con tại Việt Nam thực hiện với giá gia công rất thấp, giá bán từ chi nhánh Việt Nam cho Công ty mẹ thấp hơn tiền lãi vốn do công ty mẹ cung cấp gây lỗ, nâng giá chuyển giao tài sản vô hình, thương hiệu; lĩnh vực công nghệ cao cũng có tình trạng chuyển giá và trốn thuế...Việc thanh tra 870 doanh nghiệp FDI tại 63 địa phương phát hiện 720 doanh nghiệp vi phạm, truy thu hàng nghìn tỷ đồng, ví dụ như Hà Nội thanh tra 332 doanh nghiệp FDI phát hiện 326 doanh nghiệp vi phạm, số tiền truy thu, phạt, truy hoàn 498 tỷ đồng và giảm lỗ lên tới 1.575 tỷ đồng (Bảng 1). Trong năm 2018, ngành thuế kiểm tra 4.751 doanh nghiệp và giảm lỗ hơn 10.000 tỉ đồng và năm 2019 thanh tra chống chuyển giá tại 329 doanh nghiệp, truy thu, truy hoàn và phạt 607,52 tỷ đồng, giảm lỗ 5.162,21 tỷ đồng (Thu Hương, 2019). Việc chuyển giá của các doanh nghiệp đã tạo ra nguồn thất thu lớn đối với ngân sách nhà nước trong thời gian qua.

Bảng 1: Kết quả thanh tra doanh nghiệp FDI năm 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

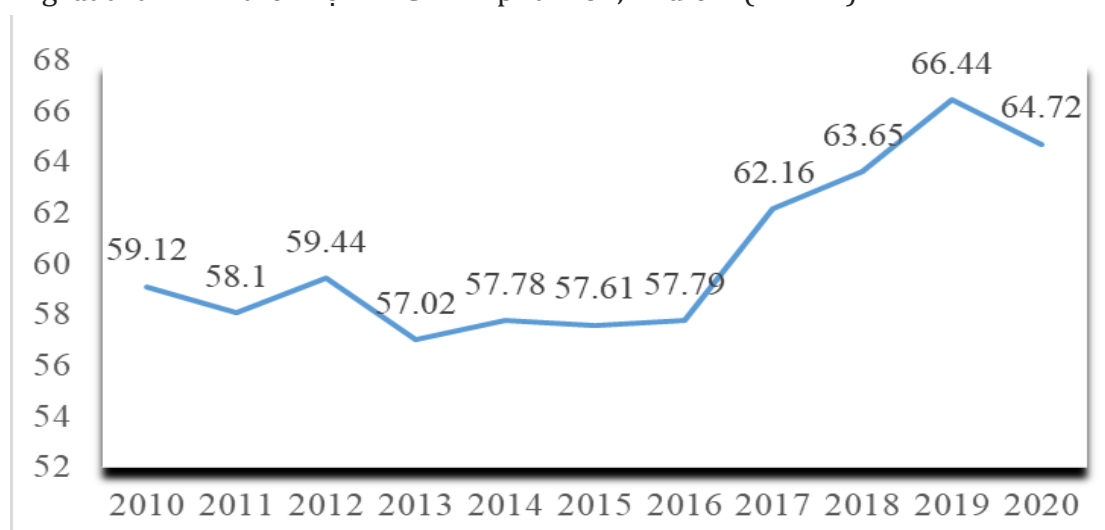
TT	Cục thuế	Tổng số doanh nghiệp thanh tra	Số doanh nghiệp vi phạm	Tổng số truy thu, phạt, truy hoàn	Giảm lỗ
1	Hà Nội	332	326	498	1.575
2	TP Hồ Chí Minh	193	164	173	870
3	Quảng Trị	27	27	2,3	1,2
4	Thái Nguyên	20	20	3,1	24,3
5	Tây Ninh	18	18	5,3	63
6	Hòa Bình	16	16	3,6	46
7	Bến Tre	17	15	1,5	21
8	Hải Phòng	50	12	28,8	169
9	Ninh Bình	10	8	1,2	119
10	Nam Định	6	5	1,6	8,2

Nguồn: Đỗ Thiên Anh Tuấn (2019).

4.2. Nhà đầu tư thiếu sự quan tâm thỏa đáng và đầy đủ đến những chuẩn mực đạo đức và công bằng phù hợp cũng như cách ứng xử của cơ quan quản lý chưa thật minh bạch về chi phí phi chính thức

Việt Nam có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư FDI thể hiện ở Chính phủ

chủ trương xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo. Đồng thời, môi trường cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện liên tục nhằm giảm bớt chi phí và thời gian của nhà đầu tư. Năm 2010, điểm số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trung bình cả nước là 59,12 điểm và đến năm 2020, chỉ số này đã tăng lên đến 64,72 điểm (Hình 1).



Hình 2: Chỉ số PCI trung bình cả nước giai đoạn 2010-2020

Nguồn: Tổng hợp từ VCCI, 2022

Đồng thời, thủ tục nộp thuế được cải thiện đáng kể như là sự thể hiện thái độ trân trọng nhà đầu tư FDI cả từ phía các cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương. Số lần nộp thuế và số ngày nộp thuế cũng đã giảm đáng kể. Mức thuế lợi tức trung bình cũng đã giảm từ 41,1% năm 2007 xuống 38,1% năm 2018 (Bảng 2).

Bảng 2: Thủ tục nộp thuế được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2007-2018

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Xếp hạng nộp thuế	120/178	128/178	140/190	147/183	124/183	124/183	138/183	149/183	173/183	168/183	167/183	86/190
Số lần nộp thuế trong năm	32	32	32	32	32	32	32	32	32	30	31	14
Thời gian nộp thuế trong năm	1050	1050	1050	1050	941	941	872	872	872	770	540	498
Thuế lợi tức (% lợi nhuận)	41,6	41,1	40,1	40,1	35,1	33,1	34,5	35,2	40,8	39,4	39,4	38,1

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo năng lực cạnh tranh quốc gia, WEF

Bên cạnh đó, việc miễn giảm thuế cho nhà đầu tư hầu như được các địa phương áp dụng với khung tối đa như miễn thuế trong 5 năm đầu và giảm 50% thuế cho 5 năm tiếp theo thậm chí thời gian miễn giảm thuế còn được kéo dài hơn so với quy định thống nhất của cả nước. Cá biệt, thời gian miễn giảm thuế cho nhà đầu tư FDI kéo dài đến 16 năm hơn cả chu kỳ kinh doanh và hoàn vốn, mang lại lãi lớn cho nhà đầu tư trong khi phần đóng góp nhà đầu tư khá khiêm tốn. Các loại thủ thuật lỗ giả lãi thật, chuyển lỗ sang thời gian tiếp theo để giảm thiểu nghĩa vụ nộp thuế được áp dụng. Nếu nhìn vào mức độ tương xứng giữa cách ứng xử của chính phủ Việt Nam các cấp với nhà đầu tư FDI có thể thấy lòng tốt và sự trân trọng lợi ích tối đa nhà đầu tư của Chính phủ Việt Nam thông qua việc cải thiện liên tục môi trường đầu tư nhận được cách đối xử của nhà đầu tư chưa thật công bằng là mảnh khéo tinh vi mang tính lạm dụng để thu lợi từ lòng tin, lạm dụng sự ưu đãi của chính sách để thu lợi tối đa.

Thực chất đây là sự vi phạm nguyên tắc đạo đức trong ứng xử giữa chính sách của Chính phủ với thái độ của nhà đầu tư FDI. Các chuẩn mực đạo đức như công bằng giữa lợi ích thu được từ ưu đãi và đóng góp theo nghĩa vụ chưa thỏa đáng, mức độ tương tác ngang bằng hay đối đẳng thiếu tôn trọng. Tuy nhiên, cũng cần đề cập đến cách ứng xử của bộ máy quản lý đầu tư của Việt Nam vẫn chưa đạt đến mức độ minh bạch cần thiết và chi phí phi chính thức vẫn còn khá cao hay nói cách khác chi phí của sự quan liêu và tình trạng tham nhũng vẫn còn. Thủ tục hành chính đặc biệt thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng, các loại giấy phép và điều kiện kinh doanh vẫn gây khó khăn nhất định cho nhà đầu tư.

4.3. Công tác xây dựng chuẩn mực đạo đức kinh doanh đối với các nhà đầu tư nước ngoài chưa được coi trọng và chưa sử dụng quy tắc đạo đức để điều chỉnh và ngăn chặn hiệu quả hoặc thậm chí phần nào hành vi chuyển giá ngày càng tinh vi của nhà đầu tư

Công tác xây dựng đạo đức kinh doanh cho nhà đầu tư FDI chưa được coi trọng và chưa có bộ quy tắc ứng xử phù hợp với nhà đầu tư FDI thỏa đáng cho nên các hành vi này chỉ dừng lại ở việc xử phạt vi phạm hành chính mà không truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu truy cứu trách nhiệm hình sự, nhà đầu tư có thể từ bỏ đầu tư tại Việt Nam và hậu quả còn có thể nặng nề hơn so với xử phạt để thu hồi tối đa khoản thiệt đối với quốc gia. Do đó, nhà đầu tư càng tìm mọi giải pháp để khai thác các kỹ năng thậm chí là kỹ xảo tinh vi để chuyển giá. Vai trò của cơ quan hoạch định chính sách cấp trung ương và địa phương trong việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử này chưa được phát huy hiệu quả nếu chưa nói là thiếu bộ quy tắc ứng xử này mang tính chuẩn mực. Thái độ của nhà đầu tư FDI chủ yếu được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật và sự khác nhau trong tư duy pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và các nhà quản lý Việt Nam, cách hiểu bản chất đạo đức kinh doanh và những hạn chế về tính minh bạch trong môi trường đầu tư càng là điều kiện để các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh trong chuyển giá phát triển. Việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử đạo đức kinh doanh này là cần thiết có thể áp dụng chung cả nước hoặc từng địa phương và thực tế Việt Nam đã có Nghị định của Chính phủ quy định về giao dịch liên kết nhưng thời gian thực hiện chỉ mới trong thời gian ngắn (khoảng 1 năm). Thực tế, có tổ chức quốc tế đã gắn hành vi chuyển giá với trách nhiệm xóa đói, giảm nghèo để có thể làm thay đổi thái độ và cách ứng xử thiếu công bằng của nhà đầu tư FDI. Đây là cách thức cho thấy chính phủ Việt Nam đã mong muốn sự tham gia của tổ chức quốc tế để tạo dư luận quốc tế trong giảm thiểu hành vi chuyển giá của nhà đầu tư FDI tại Việt Nam. Việc làm này đã góp phần làm tăng thêm nhận thức trách nhiệm của dân cư nhưng tác động đến nhà đầu tư không lớn. Điều này càng cho thấy

có sự khác biệt đáng kể giữa tính cưỡng chế của quy phạm pháp luật với tính điều chỉnh của chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

4.4. Sự tham gia của đối tượng hữu quan chưa được triển khai đồng bộ và hiệu quả trong trường hợp nhà đầu tư thiếu tuân thủ những chuẩn mực đạo đức kinh doanh

Các đối tượng hữu quan như công chúng trong nước và nước ngoài, nhà đầu tư trong nước, khách hàng và tổ chức quốc tế cũng như các nhà đầu tư nước ngoài không có hành vi chuyển giá chưa có sự phối hợp đồng bộ trong lên án hành vi chuyển giá là vi phạm đạo đức kinh doanh, công bằng, công lý. Những chuẩn mực kế toán bị vi phạm hoặc bị lợi dụng và điều đó vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp nghề kế toán, làm biến đi các khoản thu nhập thu được gây tạo dòng tiền “bẩn” trọng đầu tư. Các hành vi chuyển giá chưa nhận được sự phản ứng của dư luận như trào lưu phản đối rầm rộ để buộc nhà đầu tư phải tuân thủ. Bên cạnh đó, công tác truyền thông nhằm tạo áp lực và dư luận nhằm điều chỉnh hành vi nhà đầu tư còn khá hạn chế. Cơ cấu tổ chức chặt chẽ của các công ty xuyên quốc gia và hệ thống kế toán được xây dựng chặt chẽ sẽ gây khó khăn đáng kể trong việc tham gia của các đối tượng hữu quan đến việc theo dõi mức độ tuân thủ chuẩn mực đạo đức của nhà đầu tư. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một cơ chế và cơ cấu đối tượng hữu quan giám sát, theo dõi hành vi chuyển giá của nhà đầu tư và có phương thức đấu tranh và hợp tác mềm dẻo, hiệu quả theo hướng giáo dục, xây dựng và thuyết phục hơn là truy cứu trách nhiệm hình sự hay các hình thức phản ứng thái quá dẫn đến những đảo lộn các giá trị xã hội. Có thể xây dựng mô hình cam kết không chuyển giá của nhà đầu tư ngay khi thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép để tạo lòng tin lâu dài ngay từ khâu ban đầu.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Chuyển giá của các doanh nghiệp FDI là một hành vi không chỉ vi phạm pháp luật mà còn là một hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh. Điều này có thể được điều chỉnh cả bằng quy phạm pháp luật hoặc chuẩn mực đạo đức. Mặc dù tác động của chuẩn mực đạo đức không lớn đến điều chỉnh hành vi nhà đầu tư FDI tại Việt Nam song chúng vẫn có tác động nhất định nếu khai thác đầy đủ vị trí và vai trò của chúng để thái độ của nhà đầu tư trong việc bảo vệ giá trị đạo đức kinh doanh.

Tình trạng chuyển giá ở Việt Nam của các doanh nghiệp FDI diễn ra khá phổ biến và có thể xem đây là một vấn đề mang tính bản chất của FDI kể từ khi xuất hiện dòng FDI tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam cả cấp trung ương và địa phương có nỗ lực trong cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm tính công bằng về thủ tục, phân phối và tương tác với sự tham gia của các đối tượng hữu quan nhưng tính trạng chuyển giá vẫn diễn ra tinh vi. Hình thức thanh tra, thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng và thu hồi lại khoản thất thu của nhà nước. Điều này cho thấy việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức kinh doanh cần được phát huy để điều tiết hiệu quả thái độ nhà đầu tư theo hướng tuân thủ đạo đức kinh doanh. Chính phủ Việt Nam các cấp có quyền yêu cầu nhà đầu tư FDI tuân thủ các chuẩn mực đạo đức dựa trên các nguyên tắc phổ biến.

Để phát huy vị trí, vai trò của chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh, cần coi trọng việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử phù hợp giữa nhà đầu tư với các đối tượng hữu quan. Tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức và khả năng khải thác sự điều chỉnh của dư luận đến hành vi chuyển giá của nhà đầu tư. Đồng thời, Chính

phủ cần quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch, hấp dẫn và công bằng, bình đẳng, xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo và tăng khả năng đồng hành của Chính phủ với nhà đầu tư. Bên cạnh đó, cần đơn giản hóa thủ tục, tăng thái độ hợp tác và ủng hộ nhà đầu tư và tinh thần phục vụ trong đội ngũ công chức theo tiêu chuẩn của công chức hiếu và tuân thủ nghiêm túc đạo đức công vụ và bảo vệ chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Cuộc vận động “*Học tập và làm theo phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh*” cần được mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh trong đó có việc điều tiết hữu hiệu hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Anh Vũ, Hương Giang (2014), Hàng loạt doanh nghiệp FDI chuyển giá, trốn thuế, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 4 năm 2022, từ: <https://thanhnien.vn/kinh-doanh/hang-loat-doanh-nghiep-fdi-chuyen-gia-tron-thue-83030.html>.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), Dự thảo Chiến lược thu hút FDI giai đoạn 2018-2030.
3. Chính phủ (2017), Nghị định 20/2017/NĐ-TTg quy định về quản lý thuế đối với DN có giao dịch liên kết, ban hành ngày 24/2/2017.
4. Nguyễn Anh Tuấn (1997), WTO, APEC, AFTA: Một số tác động tới quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 4 năm 2022, từ <https://www.dav.edu.vn/en/introduction/missions.html?id=317:so-19-wto-apec-afta-mot-so-tac-dong-toi-qua-trinh>.
5. Đỗ Thiên Anh Tuấn (2019), Chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ: http://www.fetp.edu.vn/cache/MPP06-513-C06V-Chuyen%20gia%20trong%20cac%20doanh%20nghiep%20FDI%20o%20Vietnam--Do%20Thien%20Anh%20Tuan_C14-xx-xx.0-2014-04-25-16050581.pdf.

6. Ngô Trí Long (2014), Hành vi chuyển giá của các DN FDI: ‘Họ có rất nhiều chiêu trò...’, truy cập lần cuối cùng ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ: <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2014-06-06/tim-hieu-ro-hanh-vi-de-co-bien-phap-ngan-chan-kip-thoi-10320.aspx>.
7. Nguyễn Thị Quỳnh Giang (2010), Chuyển giá trong các công ty đa quốc gia ở Việt Nam, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: http://dulieu.tailieuhoc.vn/books/luan-van-de-tai/luan-van-de-tai-cao-hoc/file_goc_768556.pdf
8. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2022), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, truy cập lần cuối cùng ngày 11 tháng 4 năm 2022, từ: <http://pcivietnam.org/bang-chi-so-cac-tinh-thanh-viet-nam>.
9. Quốc hội (1988), Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 9 tháng 1 năm 1988.
10. Thu Hương (2018), Cần ‘điểm trúng huyệt’ những chiêu trò chuyển giá, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: <http://baohinhphu.vn/Kinh-te/Can-diem-trung-huyet-nhung-chieu-tro-chuyen-gia/307214.vgp>.
11. Tố Hà (2017), Việt Nam thất thu thuế vì chuyển giá, truy cập lần cuối cùng ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ: <http://cafef.vn/viet-nam-that-thu-thue-vi-chuyen-gia-20170519072440442.chn>.
4. Joeri Hofmans (2012), Individual differences in equity models, *Psicológica* (2012), 33, 473-482, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: https://www.uv.es/revispsi/articulos3.12/5_Hofmans.pdf.
5. John Rawls (1971), Justice as fairness, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ: http://www.oswego.edu/~delancey/100_DIR/Rawls.pdf.
6. Hines Jr, J.R. (1996), Tax Policy and the activities of multinational corporation, No. 5589, NBER.
7. KPMG (2017), Transfer price regulation in Vietnam, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: <https://home.kpmg.com/content/dam/kpmg/vn/pdf/publication/2017/transfer-pricing-regulations-in-vietnam.pdf>
8. OECD (2017a), Peru: Transfer Pricing Country Profile, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: <https://www.oecd.org/tax/transfer-pricing/transfer-pricing-country-profile-peru.pdf>
9. OECD (2017b), OECD Transfer Pricing Guidelines for Multinational Enterprises and Tax Administrations, truy cập lần cuối cùng ngày 3 tháng 4 năm 2022, từ: <https://www.wtss-erbia.com/wp-content/uploads/2018/01/OECD-Transfer-Pricing-Guidelines-2017.pdf>.
10. Oxfam (2014), Business among friends, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: https://www.oxfam.org/sites/www.oxfam.org/files/bp185-business-among-friends-corporate-tax-reform-120514-en_0.pdf.
11. Oxfam (2016), Assessing Vietnam’s Tax Incentive Policies, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ: https://vietnam.oxfam.org/sites/vietnam.oxfam.org/files/file_attachments/Oxfam%20Tax%20incentive%20report%20ENG.pdf.
12. The World Bank (WB, 2007-2018), Doing business 2007, 2008, 2009, 2010, 2011,

Tiếng Anh

1. Barry, F. (2005), FDI, transfer pricing and the measurement of R&D intensity, *Research Policy*, 34 (5), pp. 673 - 681.
2. Dezan Shira & Associates (2018), Tax Incentives for Foreign Investment in Vietnam.
3. Jeffrey S. Harrison, Andrew C. Wicks (2013), Stakeholder Theory, Value, and Firm Performance, truy cập lần cuối cùng ngày 2 tháng 4 năm 2022, từ: <https://centres.insead.edu/social-innovation/what-we-do/documents/stakeholdertheory.pdf>.

2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, truy cập lần cuối cùng ngày 4 tháng 4 năm 2022, từ: <http://www.doingbusiness.org/~media/WBG/DoingBusiness/Documents/Annual-Reports/English>.

12. Richard T. Maway (1976), *Equity Theory Prediction of Behavior in Organization*, Truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ: < http://web.mit.edu/curhan/www/docs/Articles/15341_Readings/Justice/EquityTheoryPredictionsOfBehavoirInOrganizations_Mowday.pdf>.

13. Richardson, G., Taylor, G., và Lanis, R (2013), *Determinants of transfer pricing aggressiveness: Empirical evidence from Australia firms*, *Journal of Contemporary Accounting and Economics*, No. 9(2), pp. 136 - 150.

14. Rugman, A.M., và Eden, L. (2017), *Multinationals and transfer pricing*, Routledge.

15. United Nations (UN, 2011), *An Introduction to Transfer Pricing*, truy cập lần cuối cùng ngày 15 tháng 3 năm 2022, từ: http://www.un.org/esa/ffd/tax/2011_TP/TP_Chapter1_Introduction.pdf.

16. Yadong Luo (2006), *The Independent and Interactive Roles of Procedural, Distributive and Interactitive Justice of Strategic Alliance*, truy cập lần cuối cùng ngày 9 tháng 4 năm 2022, từ: <<http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.505.794&rep=rep1&-type=pdf>>.